|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BDTTG | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**V/v** **Ban hành** **Nghị định về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030**

Kính trình**:** Chính phủ

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 là hết sức cần thiết, xuất phát từ những lý do sau:

**1. Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước**

Đảng và Nhà nước luôn khẳng định vị trí, vai trò chiến lược của công tác dân tộc và chính sách dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: *“Tiếp tục phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng, giữa các dân tộc”*.

Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW khóa IX, trong đó nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc theo hướng tích hợp, lồng ghép, có trọng tâm, trọng điểm. Quốc hội đã phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 và thông qua bố trí vốn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 120/2020/QH14.

Để cụ thể hóa các chủ trương này, cần thiết phải ban hành một văn bản quy phạm pháp luật cấp Chính phủ nhằm quy định thống nhất, công khai, minh bạch các tiêu chí phân định địa bàn, làm cơ sở áp dụng chính sách dân tộc trong giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo.

**2. Bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ, kịp thời thay thế các quy định hiện hành sắp hết hiệu lực**

Hiện nay, việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển đang được thực hiện theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, Quyết định này sẽ hết hiệu lực sau năm 2025. Nếu không có văn bản mới thay thế, sẽ dẫn đến khoảng trống pháp lý trong việc xác định địa bàn triển khai các chính sách dân tộc, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xây dựng và phân bổ nguồn lực đầu tư trung hạn giai đoạn tiếp theo.

Đồng thời, việc ban hành Nghị định thay thế Quyết định hiện hành là cần thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, bảo đảm thống nhất, minh bạch và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức Chính phủ và yêu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn hiện nay.

**3. Là căn cứ để xác định địa bàn ưu tiên đầu tư, phân bổ nguồn lực công bằng và hiệu quả**

- Việc phân định rõ ràng các địa bàn theo đặc điểm dân cư, địa hình, điều kiện tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế - xã hội là cơ sở để:

- Áp dụng chính sách có địa chỉ, đúng đối tượng;

- Ưu tiên đầu tư các nguồn lực ngân sách Nhà nước, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và nguồn lực xã hội;

- Thiết lập hệ thống dữ liệu thống nhất phục vụ quản lý, theo dõi và đánh giá chính sách một cách khách quan, minh bạch.

**4. Góp phần thu hẹp khoảng cách và thúc đẩy phát triển bền vững**

- Phân định địa bàn không chỉ là yêu cầu kỹ thuật của quản lý nhà nước, mà còn là công cụ để:

- Rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc;

- Bảo đảm quyền tiếp cận công bằng đến các dịch vụ cơ bản (giáo dục, y tế, nước sạch, điện, internet…);

- Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển nông nghiệp đặc sản, kinh tế bản địa;

- Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Đặc biệt, trong giai đoạn 2026 - 2030, mục tiêu phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không chỉ là xóa đói giảm nghèo, mà còn hướng đến phát triển toàn diện, bền vững, có bản sắc và gắn kết liên vùng. Do đó, cần thiết phải xây dựng tiêu chí phân định phù hợp với yêu cầu mới, làm cơ sở hoạch định chính sách một cách chiến lược, hiệu quả

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Mục đích của việc phân định**

- Việc phân định được thực hiện nhằm các mục đích sau:

- Làm cơ sở pháp lý và thực tiễn để xác định địa bàn ưu tiên đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách dân tộc,chính sách phát triển vùng.

- Phân loại, đánh giá khách quan thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của các thôn, xã, tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, hoặc có điều kiện địa lý, tự nhiên đặc thù như miền núi.

- Bảo đảm tính công bằng, minh bạch và hiệu quả trong phân bổ nguồn lực đầu tư công, tránh dàn trải, trùng lặp chính sách.

- Phục vụ công tác quy hoạch, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trung ương, nhất là trong các giai đoạn 5 năm (như 2026-2030).

- Thúc đẩy phát triển bền vững và toàn diện, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, giảm chênh lệch phát triển giữa các vùng, các dân tộc.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

- Các quan điểm chỉ đạo thường được quán triệt trong quá trình xây dựng tiêu chí và thực hiện phân định gồm:

- Tuân thủ đúng định hướng, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các Nghị quyết của Đảng liên quan đến công tác dân tộc, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bảo đảm tính khách quan, khoa học, toàn diện và thực tiễn; phản ánh đúng thực trạng địa bàn, điều kiện phát triển và nhu cầu hỗ trợ.

- Lồng ghép, tích hợp đa chiều - vừa xét đến yếu tố dân tộc, địa lý (địa hình, giao thông, khí hậu), vừa xét đến điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản.

- Thống nhất trong chỉ đạo, linh hoạt trong tổ chức thực hiện, có cơ chế điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn từng giai đoạn.

- Bảo đảm tính kế thừa và liên thông với các quy định, tiêu chí đã được áp dụng trước đó, tránh gây xáo trộn lớn, đồng thời cập nhật phù hợp với bối cảnh mới.

- Lấy người dân làm trung tâm, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã có Công văn số 395/BDTTG-VPQGDTMN ngày 20/4/2025 đề nghị các địa phương tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 làm cơ sở xây dựng Nghị định của Chính phủ ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030. Tổng hợp, tổ chức đánh giá toàn diện việc thực hiện phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; xin ý kiến các địa phương, bộ ngành vào Dự thảo Nghị định, tổng hợp ý kiến các địa phương, bộ, ngành trung ương; phối hợp với các chuyên gia, nhà khoa học tiến hành khảo sát, phân tích, tiếp thu các kiến nghị từ thực tiễn. Trên cơ sở đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã hoàn thiện dự thảo Nghị định mới, bảo đảm kế thừa các nội dung phù hợp, bổ sung và điều chỉnh các điểm bất cập, cập nhật dữ liệu mới, phù hợp với điều kiện thực tiễn từng vùng, miền; đăng tải nội dung dự thảo trên Cổng Thông tin Điện từ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, xin ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương ….

………………………………………………………………………

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định gồm 10 điều, chia thành các nhóm nội dung chính như sau:

- Quy định chung gồm 2 điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tiêu chí phân định gồm 2 điều: Điều 3. Về địa bàn thôn, xã, tỉnh là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Về địa bàn thôn, xã, tỉnh là miền núi; Điều 5. Tiêu chí phân định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

- Quy trình và hồ sơ thực hiện gồm 2 điều: Điều 6. Quy trình, thủ tục và thời gian xác định địa bàn thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Điều 7. Hồ sơ xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III.

- Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành gồm 3 điều: Điều 8. Kinh phí thực hiện; Điều 9. Tổ chức thực hiện; Điều 10. Điều khoản thi hành

**2. Nội dung cơ bản**

- Quy định tiêu chí thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Quy định tiêu chí xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Quy định tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Quy định tiêu chí phân định xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển

- Quy trình, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn xác định, tổng hợp, thẩm định, trình phê duyệt danh sách xã, thôn.

- Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện ở các cấp và nguyên tắc sử dụng kinh phí.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

..........................................................................................................................

..........................................................................................................................

..........................................................................................................................

..........................................................................................................................

Bộ Dân tộc và Tôn giáo xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo:............................).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Phó TTgCP Mai Văn Chính (để b/c);  - Bộ trưởng (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài chính;  - Lưu VT, VPQGDTMN | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG**  **Y Vinh Tơr** |